

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục tăng điểm nhờ động lực hỗ trợ ở nhóm cổ phiếu ngân hàng sau thông tin Chính phủ ban hành Nghị định mới mở đường cho việc sử dụng vốn nhà nước thực hiện tăng vốn cho các ngân hàng quốc doanh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến giằng co và giảm nhẹ trong phiên hôm nay trong bối cảnh TTCK tỏ ra thận trọng sau khi quá trình thử nghiệm vaccine của công ty Johnson & Johnson phải tạm ngưng

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HVN, TCM

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục kê lệnh bán giảm dần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên khi chỉ số thử thách vùng kháng cự trên

15/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	929.86	+0.44
VN30	878.35	+0.39
HĐTL VN30F1M	876.40	+0.16
HNXIndex	136.15	+0.18
HNX30	254.68	-0.01
UPCoM	63.43	-0.06
USD/VND	23,181	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.53	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	40.23	+2.03
Vàng (LME, \$)	1,921.95	-0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 929.86 (+0.44%)
KLGD (triệu CP) 323.6 (-18.8%)
GTGD (triệu U\$) 280.6 (-27.8%)

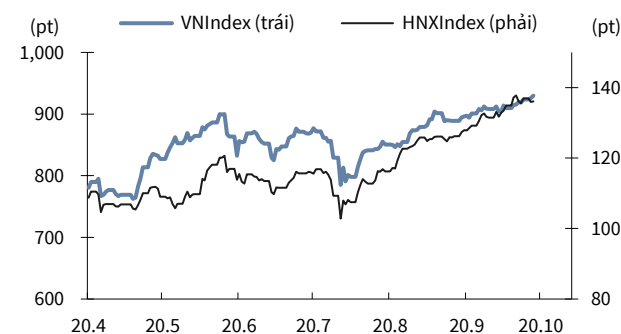
HNXIndex 136.15 (+0.18%)
KLGD (triệu CP) 35.1 (-45.3%)
GTGD (triệu U\$) 20.3 (-39.3%)

UPCoM 63.43 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 19.1 (-37.9%)
GTGD (triệu U\$) 12.5 (-25.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -1.6

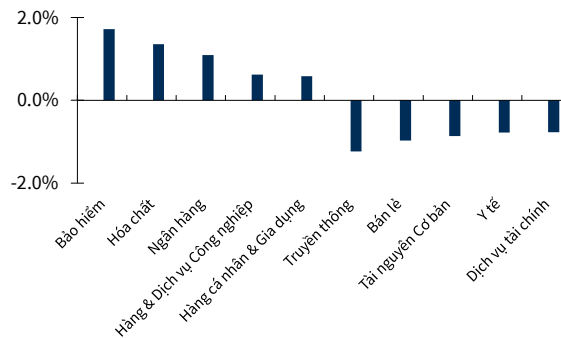
TTCK Việt Nam tiếp tục tăng điểm nhờ động lực hỗ trợ ở nhóm cổ phiếu ngân hàng sau thông tin Chính phủ ban hành Nghị định mới mở đường cho việc sử dụng vốn nhà nước thực hiện tăng vốn cho các ngân hàng quốc doanh. Cụ thể, cả 3 cổ phiếu ngân hàng quốc doanh đều tăng giá phiên hôm nay là VCB (+0.7%), CTG (+5%), BID (+0.7%), kéo theo đà tăng ở nhóm các ngân hàng còn lại như TCB (+0.9%), STB (+1.1%). Việc doanh nghiệp đầu ngành TCM (+0.9%) thông báo kết quả kinh doanh tháng 9 khả quan kéo theo cổ phiếu các doanh nghiệp còn lại trong ngành tăng giá ở STK (+1.9%), TNG (+0.8%). Trong khi đó, thông tin KQKD 9 tháng lỗ sâu từ lãnh đạo HVN (-0.4%), khiến cổ phiếu hàng không diễn biến tiêu cực hơn thị trường chung ở ACV (-1.9%), VJC (0%). Diễn biến giá thịt lợn tiếp tục suy giảm gây áp lực khiến cổ phiếu chăn nuôi heo điều chỉnh ở DBC (-1.6%), MML (-2.5%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng nhẹ ở MSN (+6.6%), BID (+0.7%), HSG (-2.8%).

VNIndex & HNXIndex



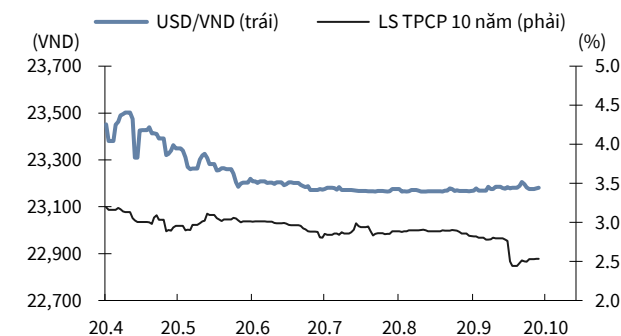
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



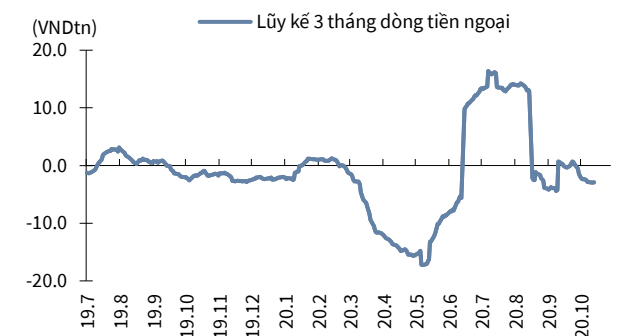
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



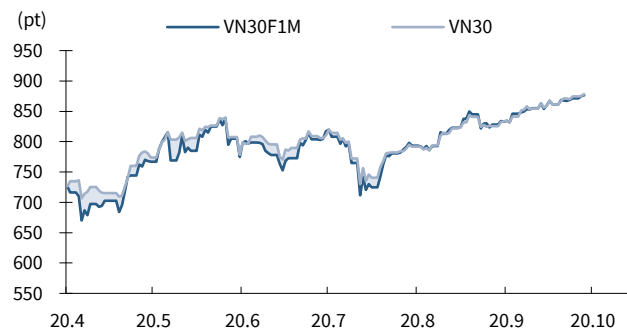
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	878.35 (+0.39%)
VN30F1M	876.4 (+0.16%)
Mở cửa	874.0
Cao nhất	876.9
Thấp nhất	872.5
KLGD (HĐ)	75,796 (-18.5%)

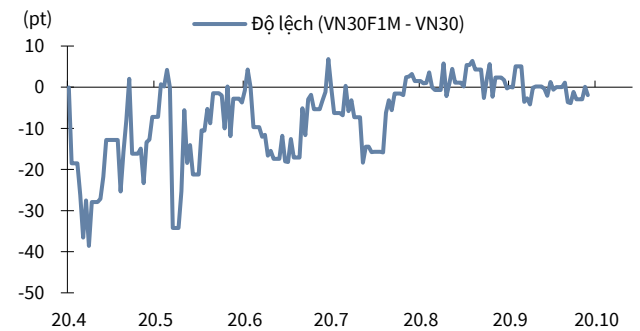
HĐTL diễn biến giằng co và giảm nhẹ trong phiên hôm nay trong bối cảnh TTCK tỏ ra thận trọng sau khi quá trình thử nghiệm vaccine của công ty Johnson & Johnson phải tạm ngưng. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở mức -0.9, giằng co trong phiên sáng trong biên độ -1.0 và 1.3. Chênh lệch sau đó giảm dần vào phiên chiều và đóng cửa ở mức -1.95. NĐTNN bán ròng mạnh F2010 do chuyển 1 phần vị thế sang F2011 trong bối cảnh F2010 sẽ đáo hạn trong tuần này. Thanh khoản thị trường rơi xuống mức thấp.

HĐTL VN30F1M & VN30



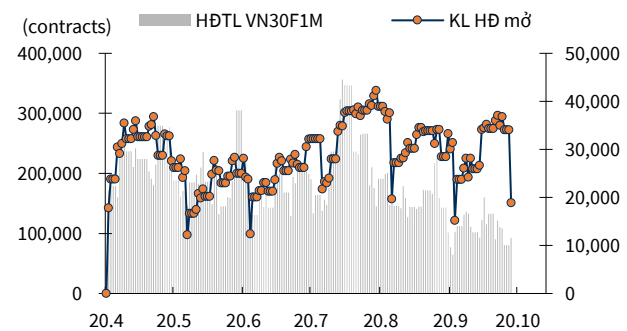
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



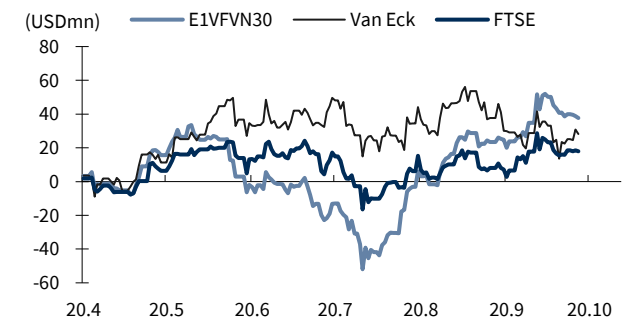
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

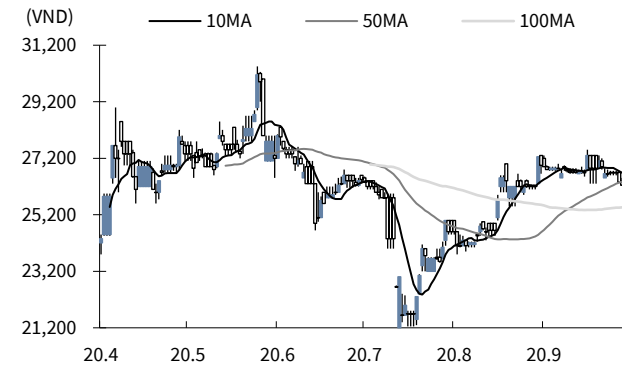
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

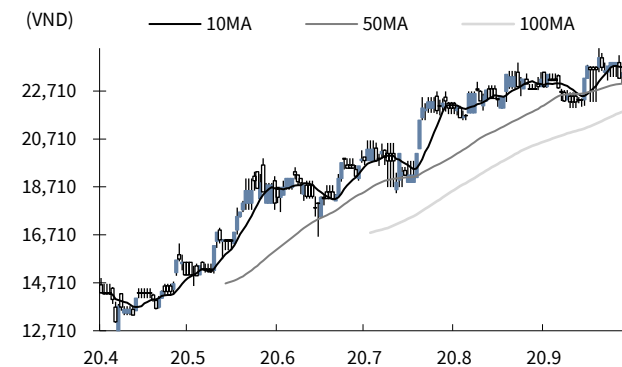
Vietnam Airlines (HAV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAV giảm -0.4% xuống 26,250 VND/cp.
- Tại buổi họp mặt báo chí, kế toán trưởng HAV, ông Trần Thanh Hiền, cho biết kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm của doanh nghiệp với mức lỗ 10,750 tỷ đồng và doanh thu 23,948 tỷ (-58.3% YoY). Cũng trong 9 tháng đầu năm, thị phần của Vietnam Airlines Group là 51.7% hành khách nội địa, thực hiện 46,700 chuyến bay, vận chuyển gần 11.9 triệu lượt hành khách và 146,000 tấn hàng hóa trong 9 tháng.

Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công (TCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM tăng 0.9% lên 23,450 VND/cp.
- TCM mới đây công bố kết quả sản xuất kinh doanh tháng 9 với lợi nhuận sau thuế 26 tỷ (+74% YoY) và doanh thu 293 tỷ (+10.4% YoY). Kết quả kinh doanh TCM có nhiều cải thiện trong tháng 9, cũng như trong cả quý 3 nhờ việc doanh nghiệp liên tục xuất khẩu nhiều đơn hàng khẩu trang vải kháng khuẩn và đồ bảo hộ y tế sang Mỹ. Đồng thời, tình hình đơn hàng truyền thống cũng đã ghi nhận sự cải thiện.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

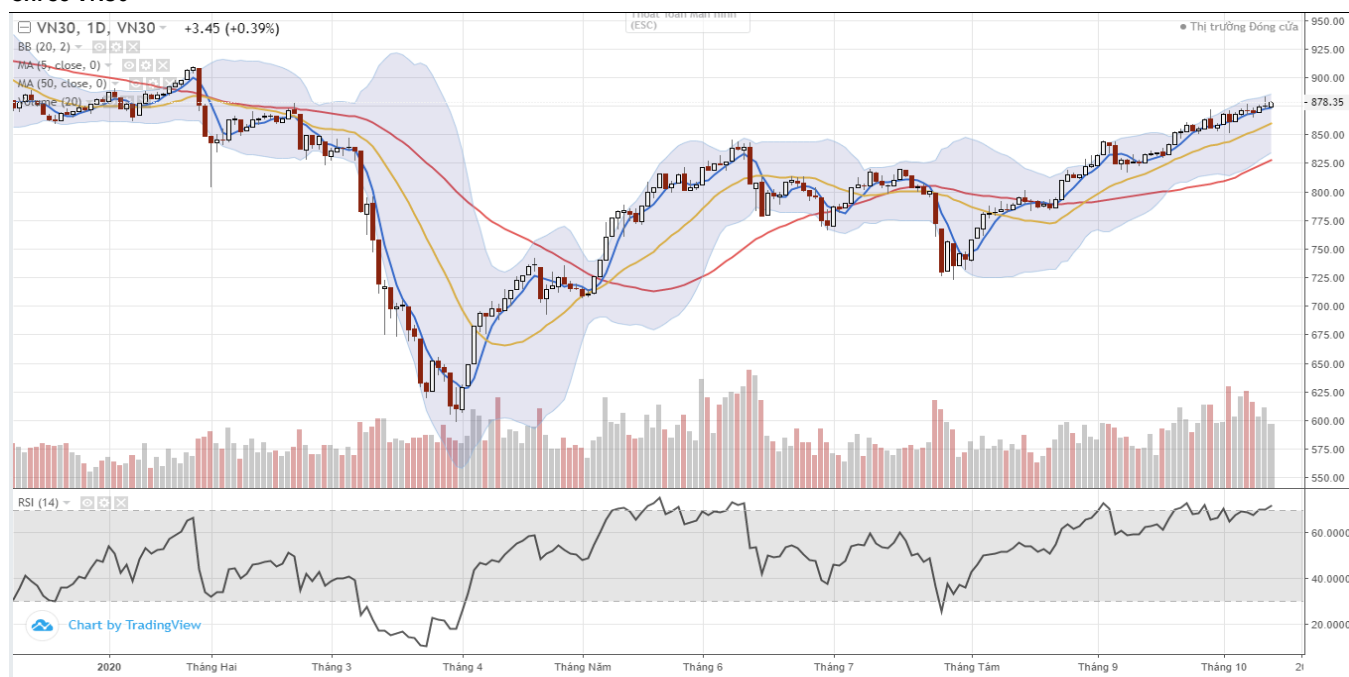
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co với lực cầu bắt đáy tăng dần cuối phiên.
- Trạng thái thị trường đã có phần được cải thiện khi tránh được việc hình thành mẫu hình giảm điểm đồng thời mở ra cơ hội tiếp tục thử thách vùng kháng cự 93x. Mặc dù vậy, đây được xem là vùng kháng cự mạnh và áp lực rung lắc điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục kê lệnh bán giảm dần tỷ trọng ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên khi chỉ số thử thách vùng kháng cự trên.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến giống hệt với lực cầu bắt đáy gia tăng về cuối phiên.
- Trạng thái kỹ thuật đã có phần được cải thiện khi chỉ số tránh được việc hình thành mẫu nền giảm điểm đồng thời mở ra cơ hội tiếp tục thử thách vùng kháng cự 88x. Mặc dù vậy, đây được xem là vùng kháng cự mạnh và áp lực rung lắc điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT khi chỉ số thử thách vùng kháng cự trên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

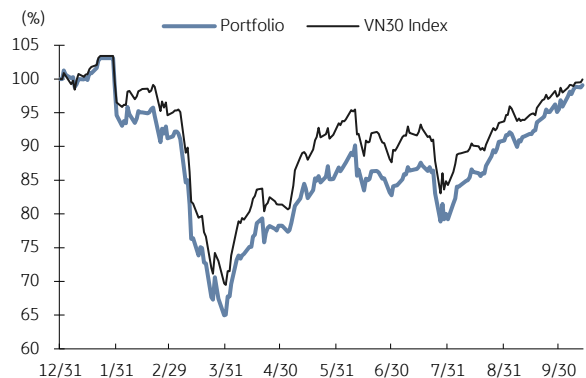
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.39%	0.36%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.08%	-0.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	106,200	-1.2%	-8.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,600	0.4%	8.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	62,500	0.8%	-18.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,500	-0.3%	2.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,650	-0.1%	22.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,700	-0.4%	51.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,550	5.0%	25.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,000	0.0%	-18.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	28,000	-0.9%	43.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,400	0.3%	5.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	0.7%	23.6%	50.0
HPG	-0.9%	34.0%	26.4
CTG	5.0%	29.9%	19.2
VIC	0.2%	13.8%	15.8
DCM	0.4%	2.3%	12.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	6.6%	38.1%	-92.8
BID	0.7%	17.4%	-18.3
HSG	-2.9%	10.0%	-14.1
CTD	-2.8%	47.0%	-11.3
KDH	-1.0%	41.6%	-9.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DTD	0.5%	0.1%	2.3
IDV	0.4%	15.5%	0.7
SHS	-1.5%	5.6%	0.6
NTP	-0.6%	18.9%	0.4
SDN	-10.0%	25.2%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	1.6%	2.9%	-1.1
INN	2.3%	9.8%	-0.4
IDC	0.0%	0.2%	-0.4
BVS	-0.8%	23.9%	-0.3
DNM	-1.0%	4.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	9.3%	BVH, BIC
Hóa chất	3.7%	GVR, DPR
Thực phẩm và đồ uống	3.6%	MSN, VCF
Ngân hàng	1.9%	CTG, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.4%	PNJ, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.4%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-2.6%	TCH, CSM
Dầu khí	-2.0%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-1.4%	BMP, HBC
Tài nguyên Cơ bản	-0.8%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	12.0%	HPG, HSG
Bán lẻ	11.4%	MWG, PET
Bảo hiểm	11.1%	BVH, BMI
Hóa chất	9.8%	GVR, DCM
Dịch vụ tài chính	9.7%	SSI, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-10.6%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	-2.0%	VJC, HVN
Bất động sản	-0.2%	VRE, BCM
Dầu khí	0.0%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	0.1%	SAM, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường	GTGD	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				(VNDtỷ, USDmn)	(VNDtrệu, USDmn)		20E	21E	(%)	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	94,100	318,287 (13,730)	40,216 (1.7)	22.9	51.3	37.7	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	0.2	2.5	3.3	-18.2
	VHM	VINHOMES JSC	78,100	256,911 (11,083)	144,622 (6.2)	27.0	9.5	8.3	35.0	38.5	30.8	3.0	2.3	0.8	2.6	0.5	-7.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,200	61,807 (2,666)	74,451 (3.2)	18.3	24.4	18.0	2.8	9.1	11.7	2.2	2.0	0.4	-1.1	-4.2	-20.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,000	61,105 (2,636)	83,056 (3.6)	32.6	16.5	17.2	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.8	-2.1	-1.4	4.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,850	13,328 (575)	13,757 (0.6)	7.4	12.2	10.2	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-1.0	-4.2	-1.0	-6.9
	DXG	DAT XANH GROUP	11,050	5,727 (247)	51,682 (2.2)	14.2	11.1	5.4	-39.2	5.5	14.0	0.7	0.6	1.8	-3.1	10.8	-23.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,500	320,818 (13,840)	86,089 (3.7)	6.4	19.6	16.9	10.3	19.7	18.8	3.3	2.8	0.7	3.1	5.1	-4.1
	BID	BANK FOR INVESTM	41,250	165,908 (7,157)	60,355 (2.6)	12.6	35.4	19.6	-10.5	9.1	12.5	2.2	2.0	0.7	2.0	2.0	-10.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,400	74,903 (3,231)	127,894 (5.5)	0.0	7.4	6.2	3.9	15.6	15.5	1.0	0.9	0.9	-4.5	0.5	-9.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,550	113,750 (4,907)	178,885 (7.7)	0.1	16.5	13.4	18.7	10.2	11.4	1.4	1.3	5.0	12.3	19.3	46.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,400	57,043 (2,461)	120,293 (5.2)	0.0	6.9	6.4	5.5	17.8	16.0	1.1	1.0	0.0	-3.1	2.4	17.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,500	48,530 (2,094)	134,687 (5.8)	0.0	6.8	5.7	7.0	18.0	17.6	1.1	0.9	-0.3	-2.0	12.7	-3.2
	HDB	HDBANK	24,000	30,137 (1,300)	41,240 (1.8)	9.7	7.5	6.6	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	-1.4	-2.8	2.8	13.2
	STB	SACOMBANK	13,450	24,259 (1,047)	259,338 (11.2)	14.5	12.7	9.7	16.4	7.9	9.2	0.9	0.8	1.1	-5.3	20.6	33.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,850	20,292 (875)	52,904 (2.3)	0.0	6.7	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	0.2	-1.0	7.3	18.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,400	21,392 (923)	6,017 (0.3)	0.1	37.4	35.9	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	1.2	-0.9	4.2	-2.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	53,700	39,863 (1,720)	44,430 (1.9)	20.7	32.6	27.6	2.6	6.3	7.7	2.0	2.0	1.5	10.4	12.7	-21.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,150	2,663 (115)	11,848 (0.5)	14.7	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.2	2.8	19.0	17.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,550	10,546 (455)	101,337 (4.4)	49.9	12.1	9.8	-16.8	9.0	10.6	1.0	0.9	-1.7	-3.3	11.4	12.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	34,300	5,680 (245)	26,287 (1.1)	72.0	-	-	-	-	-	-	-	-2.0	7.2	23.4	16.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,000	6,711 (290)	63,857 (2.8)	50.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	0.0	11.1	3.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,450	3,222 (139)	24,247 (1.0)	16.4	13.9	8.7	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	-2.2	0.3	23.6	7.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,100	223,802 (9,655)	185,842 (8.0)	42.0	21.5	20.0	6.6	37.9	38.6	7.5	6.8	0.1	0.1	3.8	10.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,000	117,996 (5,090)	16,348 (0.7)	36.9	28.4	24.3	0.6	21.6	23.8	5.8	5.1	-2.2	-1.2	-2.1	-19.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	74,800	87,866 (3,790)	135,513 (5.8)	10.9	99.8	39.0	-57.2	2.3	6.8	2.4	2.5	6.6	29.0	36.0	32.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,800	13,081 (564)	22,658 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-2.1	-4.5	-15.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,000	55,003 (2,373)	42,183 (1.8)	12.5	-	15.9	-	8.9	21.4	3.4	3.2	0.0	0.5	-0.8	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,700	7,037 (304)	14,622 (0.6)	0.0	17.8	15.6	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	-1.0	-4.0	0.4	1.7
	CII	HO CHI MINH CITY	18,750	4,478 (193)	36,762 (1.6)	36.0	9.4	8.8	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	-0.8	-1.3	4.5	-16.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,310	1,311 (057)	18,238 (0.8)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-0.9	6.0	-86.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,800	10,715 (462)	148,746 (6.4)	35.1	27.9	12.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.9	-3.8	-9.7	17.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	62,700	4,784 (206)	76,279 (3.3)	2.1	7.7	8.2	-33.3	7.5	7.0	0.6	0.5	-2.8	-2.8	-14.9	22.2
	REE	REE	41,650	12,914 (557)	18,020 (0.8)	0.0	8.5	7.5	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.1	-0.1	7.6	14.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,000	143,546 (6,192)	54,147 (2.3)	45.9	19.1	15.0	-17.2	15.8	18.4	2.8	2.6	0.0	3.4	4.5	-20.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,300	6,708 (289)	5,210 (0.2)	29.9	10.1	10.2	-5.4	16.4	16.5	1.6	1.6	0.4	-1.1	-1.9	7.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,750	7,615 (328)	4,946 (0.2)	33.2	8.7	8.0	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.2	0.4	-0.4	-2.3	-11.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	28,000	92,772 (4,002)	372,083 (16.1)	15.0	9.6	8.1	5.5	18.2	19.1	1.6	1.4	-0.9	-0.9	14.5	43.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,100	6,692 (289)	55,874 (2.4)	36.8	10.8	11.5	1.4	8.9	8.0	0.8	0.8	-0.6	-0.3	1.5	32.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,000	6,353 (274)	41,276 (1.8)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	0.4	0.0	27.7	84.6
	HSG	HOA SEN GROUP	15,350	6,821 (294)	221,527 (9.6)	39.0	8.2	8.3	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	-2.8	-2.5	29.0	106.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,150	2,566 (111)	27,733 (1.2)	97.8	5.7	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.0	-3.2	-3.2	-4.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,350	60,148 (2,595)	18,865 (0.8)	3.9	48.0	17.6	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	0.0	-1.7	-0.7	-11.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,550	4,864 (210)	84,422 (3.6)	38.7	50.8	27.3	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.3	-0.9	-5.7	6.0	-23.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,250	3,729 (161)	36,087 (1.6)	29.2	8.7	7.6	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-2.9	-7.7	14.2	-21.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	106,200	48,075 (2,074)	95,276 (4.1)	0.0	13.1	10.1	9.9	26.5	27.3	3.1	2.5	-1.2	1.0	13.7	-6.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	62,500	14,070 (607)	42,459 (1.8)	0.0	16.0	13.5	-1.8	21.0	22.7	2.8	2.6	0.8	2.3	5.0	-27.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,000	1,298 (056)	644 (0.0)	69.3	18.5	13.5	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-1.7	-7.6	-10.2	18.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,900	1,888 (081)	17,793 (0.8)	13.0	16.0	10.8	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	1.3	-2.2	-0.8	13.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,300	7,629 (329)	53,392 (2.3)	36.2	7.7	7.4	24.7	35.8	30.2	2.5	2.2	0.5	-4.1	-3.8	47.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,000	13,598 (587)	780 (0.0)	45.2	20.4	18.8	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	-1.5	-0.8	-0.5	13.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,100	5,183 (224)	361 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.1	-0.6	-1.8	27.3
IT	FPT	FPT CORP	50,700	39,744 (1,715)	82,757 (3.6)	0.0	11.4	9.8	19.9	23.4	24.5	2.4	2.1	-0.4	0.4	3.2	0.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khoảng Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglth@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.